

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2017/HNGĐ - ST

Ngày 22 - 9 - 2017

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Khiết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil - Thư ký Tòa án

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn S – sinh năm 1971 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp Cái Keo, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Nh – sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cái Keo, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Cư trú tại: Ấp Tân Hiệp, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông **Võ Văn S** trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 ông và bà Phạm Thị Nh kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, nhưng do hoàn cảnh nghèo vợ chồng phải đi làm thuê khắp nơi. Đến năm 2007 vợ chồng ông mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Nhưng ông không nhớ ngày, tháng, năm đăng ký. Vào năm 2016 thì vợ ông đi làm ăn xa một mình, sau khi vợ ông đi làm ăn xa khoảng 02 tháng thì ông nhận được nhiều tin nhắn, điện thoại từ nhiều người đàn ông khác nói rằng đã ân ái với vợ ông như vợ chồng. Ông đã nhiều lần liên lạc nhưng không được, đến nay vợ ông cũng không trở về nhà. Nay ông cảm thấy tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa và vợ ông đã bỏ đi sống với những người đàn ông khác nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với vợ ông là bà Phạm Thị Nh.

Về con chung: Ông Võ Văn S xác định ông và bà Phạm Thị Nh có một người con chung tên Võ Sơn T sinh năm 2002, hiện cháu T đang ở với ông, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Võ Văn S xác định vợ chồng có 25 chỉ vàng 24K và trên 10 chỉ vàng 18K hiện số vàng bà Phạm Thị Nh đang quản lý. Ngoài ra vợ chồng còn 01 căn nhà của Chương trình 167 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo) cất ở trên đất của cha ông S. Về phần tài sản ông S yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Võ Văn S xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Đối với bà Phạm Thị Nh kể từ khi Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nh nhưng bà Nh không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của ông Võ Văn S và cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa ông Võ Văn S và bà Phạm Thị Nh là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Phạm Thị Nh có địa chỉ tại ấp Cái Keo, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi phát hiện bà Phạm Thị Nh không còn cư trú tại địa phương mà đã trở về nhà mẹ ruột ở ấp Tân Hiệp, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau để sinh sống. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi căn cứ vào Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chuyển vụ án tranh chấp Ly hôn và nuôi con giữa ông Võ Văn S và bà Phạm Thị Nh cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án: Về hôn nhân Ông Võ Văn S và bà Phạm Thị Nh chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì ông Võ Văn S có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của ông S đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết và chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết theo thẩm quyền là đúng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên bà Phạm Thị Nh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái

Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập bà Nhị hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập bà Nhị đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bà Nhị vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Nh. Xét nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Võ Văn S tại phiên tòa thấy rằng bà Nh đã bỏ nhà đi làm ăn xa một mình, sau đó có nhiều người đàn ông khác nhắn tin cho ông S và xác định đã chung sống như vợ chồng với bà Nh qua tin nhắn và cả điện thoại cho ông S được biết, ông S đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi yêu cầu được ly hôn với bà Nh. Tuy nhiên sau khi thụ lý Tòa án huyện Đầm Dơi phát hiện bà Nh hiện đang cư trú tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà Nh được biết về việc khởi kiện của ông S. Tuy nhiên bà Nh đã không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà Nh không còn, bà Nh không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với ông S. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn S cho ông Võ Văn S được ly hôn với bà Phạm Thị Nh.

Về con chung: Ông Võ Văn S xác định vợ chồng ông có 01 người con chung tên Võ Sơn T, sinh năm 2002, hiện cháu T đang ở với ông, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con. Tòa án xét thấy bà Phạm Thị Nh đã được thông báo về việc ông S yêu cầu nuôi con không yêu cầu bà Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Nh không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của ông S. Mặt khác cháu Võ Sơn T sinh năm 2002 hiện tại đang sống với ông S, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của của con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 9 năm 2017 đối với cháu Võ Sơn T sinh năm 2002 trình bày nguyện vọng muốn được ở với cha, đây là ý chí tự nguyện của cháu Sơn T là con ông S và bà Nh, nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Võ Sơn T sinh năm 2002 cho ông Võ Văn S tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông S không yêu cầu nên không đặc ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Do đó Tòa án không đặc ra xem xét.

Nếu sau này ông Võ Văn S và bà Phạm Thị Nh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì ông S và bà Nh đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Võ Văn S phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Võ Văn S được ly hôn với bà Phạm Thị Nh.

[2] Về con chung: Giao cháu Võ Sơn T sinh năm 2002 cho ông Võ Văn S tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông Sơn không yêu cầu nên không đặc ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Do đó Tòa án không đặc ra xem xét.

Nếu sau này ông Võ Văn S và bà Phạm Thị Nh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì ông S và bà Nh đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008760 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Ông Võ Văn S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bà Phạm Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết

